

Số: /2025/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng mới và công trình đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo; thời hạn tồn tại của công trình để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng mới và công trình đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo; thời hạn tồn tại của công trình để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng mới và công trình đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo; thời hạn tồn tại của công trình để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị liên quan đến việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Đối với công trình: Số tầng cao 01 tầng, chiều cao công trình < 10m, tổng diện tích sàn xây dựng < 1.000m².

2. Đối với nhà ở riêng lẻ: Số tầng cao $\leq$ 02 tầng (không được phép xây dựng tầng hầm hoặc bán hầm), chiều cao công trình < 12m, tổng diện tích sàn xây dựng < 250m².

3. Đối với công trình khác như: Công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác: quy mô công trình theo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

4. Đối với công trình, nhà ở hiện trạng có quy mô lớn hơn so với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn để sửa chữa, cải tạo theo quy mô hiện trạng; không được cải tạo, nâng cấp hoặc mở rộng lớn hơn quy mô hiện trạng.

Điều 3. Thời hạn tồn tại của công trình làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

Thời hạn tồn tại của công trình, nhà ở riêng lẻ ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn, theo thời hạn của quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo Quyết định này;

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 12 hằng năm về kết quả thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh.

2. Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Vĩnh Long:

a) Thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo Quyết định này;

b) Báo cáo kết quả thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn gửi Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo Quyết định này;

b) Xác nhận, cung cấp thông tin thửa đất xây dựng công trình theo quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi có đề nghị của Sở Xây dựng và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Vĩnh Long;

c) Báo cáo kết quả thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn gửi Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng có thời hạn đã nộp theo quy định tại cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước ngày

Quyết định này có hiệu lực thì việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định về quy mô, thời hạn tồn tại công trình, nhà ở riêng lẻ cấp giấy phép có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thay thế mới nhất.

3. Những nội dung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn không quy định cụ thể tại Quyết định này sẽ được thực hiện theo các quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15, Luật Đường sắt số 95/2025/QH15; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; quy chế quản lý kiến trúc hoặc thiết kế đô thị và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Vĩnh Long, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- ĐDBQH tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Trung tâm Thông tin điều hành tỉnh;
- Các Phòng: KTN, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Chính